

Số: 1091/QĐ-ĐHHS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định học và chuẩn đầu ra tiếng Anh
đối với các ngành không chuyên ngữ (cập nhật lần 02)
(Áp dụng đối với sinh viên Khóa 2018, 2019)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 274/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1374/QĐ-ĐHHS ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Sen về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-ĐHHS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Sen về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen đối với PGS.TS Võ Thị Ngọc Thúy;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định học và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với các ngành không chuyên ngữ, áp dụng đối với sinh viên Khóa 2018, 2019 (cập nhật lần 02).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản liên quan trước đây.

Điều 3. Trưởng/Phó các đơn vị và Giám đốc chương trình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch tập đoàn NHG (để b/c);
- Ban TGD NHG (để b/c);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL.







HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Võ Thị Ngọc Thúy

QUY ĐỊNH HỌC VÀ CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH
ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH KHÔNG CHUYÊN NGỮ
Áp dụng đối với sinh viên Khóa 2018, 2019

(Ban hành theo Quyết định số 1091 /QĐ-ĐHHS ngày 06 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Sen)



	Biên soạn	Thẩm định	Phê duyệt
Họ tên	Tô Thị Anh Nguyên	Phan Thị Việt Nam	Võ Thị Ngọc Thúy
Chức danh	P. Trưởng P.KT-ĐBCL	Phó Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Ký tên		 	
Ngày ký	6/6/2023	6/6/2023	6/6/2023

 HOA SEN UNIVERSITY WORLD CLASS EDUCATION	QUY ĐỊNH HỌC VÀ CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH KHÔNG CHUYÊN NGỮ	Số hiệu: ĐBCL-QyĐ-21
		Ngày ban hành: 6/6/2023
		Lần ban hành: 03

PHÂN THEO DỠI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần ban hành	Ngày ban hành	Mục sửa/bổ sung	Nội dung sửa/bổ sung
01	14/06/2018	-	-
02	28/11/2022	Tên Quy định	Điều chỉnh phạm vi áp dụng: đối với sinh viên Khóa 2018, 2019
		Điều 6	
		Điều 3, Bảng 6	Bổ sung chứng chỉ tiếng Anh VEPT được công nhận hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra
		Điều 5	Bổ sung điều kiện miễn môn học và công nhận hoàn thành chuẩn đầu ra tiếng Anh
03	Theo ngày ký duyệt	Điều 3, Bảng 6	Điều chỉnh thang điểm VEPT được công nhận hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CDR: Chuẩn đầu ra

EIC: English for International Communication

SV: Sinh viên

TBMH: Trung bình môn học

Điều 1: Mục đích của tiếng Anh không chuyên tại Đại học Hoa Sen

Tiếng Anh là môn học bắt buộc đối với SV theo học hệ tín chỉ các ngành đào tạo không chuyên ngoại ngữ, nhằm trang bị cho SV vốn tiếng Anh cần thiết để giao tiếp, đọc tài liệu bằng tiếng Anh, học các môn học được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh; đồng thời đáp ứng CĐR đối với chương trình học.

Điều 2: Các môn học tiếng Anh và chương trình học

Các môn học này được đặt tên chung là “Anh văn giao tiếp quốc tế” (English for International Communication - EIC). EIC gồm 02 môn học dự bị và 04 môn học chính thức.

Với mỗi môn học, bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh được liên tục rèn luyện trong suốt quá trình học qua các bài kiểm tra và bài thi cuối khóa cho từng môn học. Bài kiểm tra, thi được xây dựng theo các dạng câu hỏi trong các bài kiểm tra tiếng Anh quốc tế. Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội làm quen với các tài liệu chuyên môn gọi là English for Specific Purposes (ESP) và giới thiệu phương pháp học tập thành công ở đại học thông qua English for Academic Purposes (EAP).

1. Các môn học của chương trình tiếng Anh EIC

Bảng 1 là danh mục 4 môn học tiếng Anh bắt buộc.

Bảng 1 – Danh mục các môn học tiếng Anh không chuyên

Stt	MSMH	Tên môn học bằng tiếng Việt	Tên môn học bằng tiếng Anh	Số tiết học	Số tín chỉ
01	AV116DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	English for International Communication 3 (EIC3)	105	5
02	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	English for International Communication 4 (EIC4)	105	5
03	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	English for International Communication 5 (EIC5)	105	5
04	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	English for International Communication 6 (EIC6)	105	5

Bảng 2 là các môn học tiếng Anh tạo nền tảng chuẩn bị cho sinh viên chưa đủ trình độ tiếng Anh để học các môn học trong Bảng 1.

Bảng 2 – 2 môn học tiếng Anh tạo nền tảng

Stt	MSMH	Tên môn học bằng tiếng Việt	Tên môn học bằng tiếng Anh	Số tiết học	Số tín chỉ
01	AV012DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 1	English for International Communication 1 (EIC1)	158	Môn học dự bị, tạo nền, không tính tín chỉ
02	AV013DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 2	English for International Communication 2 (EIC2)	158	

2. Xếp lớp tiếng Anh khi nhập học

Vào đầu khóa học, Nhà trường sẽ xếp lớp tiếng Anh cho SV dựa vào điểm thi trung học phổ thông quốc gia môn tiếng Anh (Thang điểm cụ thể sẽ được thông báo vào đầu mỗi năm học).

3. Lộ trình và xếp thời khóa biểu các môn học tiếng Anh

Bảng 3 – Lộ trình và cách xếp thời khóa biểu các môn học tiếng Anh không chuyên

Kết quả thi xếp lớp đầu vào	Học kỳ 1 và Học kỳ tết		Học kỳ 2 và Học kỳ hè	
	Lịch học	Thời gian học	Lịch học	Thời gian học
EIC 1	Học 2 môn học nối tiếp - 6 buổi/tuần	- 10 tuần học và thi EIC 1 - 10 tuần học và thi EIC 2	Học 3 môn học nối tiếp	- 07 tuần học và thi EIC 3 - 07 tuần học và thi EIC 4 - 07 tuần học và thi EIC 5
EIC2		- 10 tuần học và thi EIC 2 - 07 tuần học và thi EIC 3	Học 3 môn học nối tiếp	- 07 tuần học và thi EIC 4 - 07 tuần học và thi EIC 5 - 07 tuần học và thi EIC 6
EIC 3		- 07 tuần học và thi EIC 3 - 07 tuần học và thi EIC 4	Học 2 môn học nối tiếp	- 07 tuần học và thi EIC 5 - 07 tuần học và thi EIC 6
EIC 4	Học 1 môn học 3 buổi/tuần	13 tuần học + 01 tuần thi EIC 4	Học 2 môn học nối tiếp	- 07 tuần học và thi EIC 5 - 07 tuần học và thi EIC 6
EIC 5		13 tuần học + 01 tuần thi EIC 5	Học 1 môn học	13 tuần học + 01 tuần thi EIC 6
EIC 6	Học 1 môn học 3 buổi/tuần	13 tuần học + 01 tuần thi EIC 6		

Lưu ý:

Tùy thuộc vào điều kiện thực tế như: sĩ số sinh viên xếp lớp cho từng môn học, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về cơ sở vật chất, ... lộ trình nêu trên có thể được điều chỉnh cho phù hợp.

4. Học, kiểm tra, thi các môn học

a. Điểm môn học tiếng Anh của SV được đánh giá liên tục thông qua các hoạt động với trọng số cho trong Bảng 4.

Bảng 4 – Tóm tắt cách đánh giá kết quả học tập

Điểm môn học tiếng Anh	EIC 1, 2, 3, 4, 5, 6
Điểm đánh giá quá trình (điểm hệ 10)	30%
Điểm kiểm tra giữa kỳ (điểm hệ 100) (*)	25%
Điểm thi cuối kỳ (điểm hệ 100) (*)	45%

(*) *Thi Nói: 20 điểm; thi Nghe – Đọc – Viết: 80 điểm*

Điểm **kiểm tra giữa kỳ** và **thi cuối kỳ** được quy đổi từ hệ 100 sang hệ 10 trước khi tính trung bình trọng số các điểm thành phần để có điểm TBMH hệ 10 (*Phụ lục*).

b. Đối với các môn học từ EIC 3 trở lên, để hoàn tất một môn học tiếng Anh, SV phải đạt điểm TBMH từ 5.0 (hệ 10) trở lên mới có thể đăng ký môn học tiếp theo. Nếu không đạt (điểm TBMH < 5.0 (hệ 10)), SV phải đăng ký học lại và chưa được học tiếp môn học tiếp theo.

c. Đối với môn học EIC 1 và 2, EIC 2 và 3 khi SV học lớp ghép 2 môn học sẽ được xét kết quả theo quy định trong Bảng 5.

Bảng 5 – Thang điểm đánh giá và đánh giá kết quả môn học (EIC 1 + EIC 2)

- **EIC 1 + EIC 2:**

Điểm TBMH		Kết quả đạt / không đạt	
EIC 2	EIC 1	EIC 2	EIC 1
≥ 5	≥ 5	Đạt	Đạt
	< 5	Đạt	Miễn
4 ≤ EIC 2 < 5	≥ 5	Không đạt	Đạt
	4 ≤ EIC 1 < 5	Không đạt	Miễn
	< 4	Không đạt	Không đạt
< 4	≥ 5	Không đạt	Đạt
	< 5	Không đạt	Không đạt

- EIC 2 + EIC 3:

Điểm TBMH		Kết quả đạt / không đạt	
EIC 3	EIC 2	EIC 3	EIC 2
≥ 5	≥ 5	Đạt	Đạt
	< 5	Đạt	Miễn
4 ≤ EIC 3 < 5	≥ 5	Không đạt	Đạt
	4 ≤ EIC2 < 5	Không đạt	Miễn
	< 4	Không đạt	Không đạt
< 4	≥ 5	Không đạt	Đạt
	< 5	Không đạt	Không đạt

Điều 3: Chuẩn đầu ra tiếng Anh khi tốt nghiệp đối với các ngành không chuyên ngữ

Sau khi hoàn thành các môn học tiếng Anh bắt buộc, trước khi tốt nghiệp, SV các ngành không chuyên ngữ phải có một trong các **chứng chỉ quốc tế tiếng Anh tương đương trình độ B1** (Xem Bảng 6) hay cao hơn để được công nhận hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra (không kể ngày cấp chứng chỉ).

Bảng 6 - Các chứng chỉ quốc tế tiếng Anh tương đương trình độ B1 được Nhà trường công nhận

Aptis	VEPT	IELTS	TOEIC	TOEFL iBT
90-129	43-58	4.5-5.0	450-499	45-60

Lưu ý: Các chứng chỉ quốc tế khác sẽ được xem xét trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 4: Các quy định khác

1. Nhà trường chỉ mở lớp nếu có sĩ số tối thiểu theo quy định.
2. SV theo học các môn tiếng Anh phải thực hiện đầy đủ quy chế đào tạo theo hệ tín chỉ, thi kiểm tra và các quy định chung khác của Nhà trường.

Điều 5: Điều kiện miễn môn học và công nhận hoàn thành chuẩn đầu ra tiếng Anh

Trong thời gian SV đang học tiếng Anh tại trường, **nếu SV có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Aptis từ 134 điểm trở lên, hoặc IELTS từ 5.5 điểm trở lên, hoặc TOEIC từ 530 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 70 điểm trở lên** sẽ được miễn các môn học tiếng Anh chưa học trong Bảng 1 và công nhận hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra tiếng Anh khi tốt nghiệp.

Điều 6: Điều khoản thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với Khóa 2018, 2019.
2. Các Khoa và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm phổ biến rộng rãi Quy định này đến SV hệ tín chỉ Khóa 2018, 2019.
3. Trong quá trình thực hiện, các Khoa và đơn vị liên quan có những đề nghị kịp thời để cập nhật Quy định này. Hiệu trưởng quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Võ Thị Ngọc Thúy

PHỤ LỤC

Bảng quy điểm từ thang 100 sang thang 10 cho các môn tiếng Anh

Bảng quy đổi điểm									
Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 10
100	10	80	8.0	60	6.0	40	4.0	20	2.0
99	9.9	79	7.9	59	5.9	39	3.9	19	1.9
98	9.8	78	7.8	58	5.8	38	3.8	18	1.8
97	9.7	77	7.7	57	5.7	37	3.7	17	1.7
96	9.6	76	7.6	56	5.6	36	3.6	16	1.6
95	9.5	75	7.5	55	5.5	35	3.5	15	1.5
94	9.4	74	7.4	54	5.4	34	3.4	14	1.4
93	9.3	73	7.3	53	5.3	33	3.3	13	1.3
92	9.2	72	7.2	52	5.2	32	3.2	12	1.2
91	9.1	71	7.1	51	5.1	31	3.1	11	1.1
90	9.0	70	7.0	50	5.0	30	3.0	10	1.0
89	8.9	69	6.9	49	4.9	29	2.9	9	0.9
88	8.8	68	6.8	48	4.8	28	2.8	8	0.8
87	8.7	67	6.7	47	4.7	27	2.7	7	0.7
86	8.6	66	6.6	46	4.6	26	2.6	6	0.6
85	8.5	65	6.5	45	4.5	25	2.5	5	0.5
84	8.4	64	6.4	44	4.4	24	2.4	4	0.4
83	8.3	63	6.3	43	4.3	23	2.3	3	0.3
82	8.2	62	6.2	42	4.2	22	2.2	2	0.2
81	8.1	61	6.1	41	4.1	21	2.1	1	0.1

